

Số: /QĐ-ĐHCNKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành bản cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học
ngành Thương mại điện tử năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2809/QĐ-TTg ngày 26/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh thành trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 08/01/2021 của Hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 118/NQ-HĐT ngày 27/01/2023; Nghị quyết số 136/NQ-HĐT ngày 14/10/2023; Nghị quyết số 182/NQ-HĐT ngày 28/9/2024 và Nghị quyết số 212/NQ-HĐT ngày 18/12/2024 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1468/QĐ-BGDĐT ngày 02/6/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2515/QĐ-ĐHCNKT ngày 08/7/2026 của ĐH Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về việc phân công nhiệm vụ của Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kế hoạch số 552/KH-ĐHCNKT ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Trường ĐH Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học theo hướng liên ngành, liên thông, hội nhập và ứng dụng AI;

Căn cứ Quyết định số 1525/QĐ-ĐHCNKT ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Trường ĐH Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành khung chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy tiếng Việt năm 2026;

Căn cứ Biên bản họp số 70/BB-HĐKHĐT ngày 17 tháng 7 năm 2026 và Biên bản họp số 72/BB-HĐKHĐT ngày 27 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường;

Theo đề nghị của Trưởng khoa Kinh tế và Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành bản cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học ngành **Thương mại điện tử (mã ngành 7340122)** áp dụng từ khóa tuyển sinh 2026.

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ đại học là cơ sở để các đơn vị đào tạo và phòng ban liên quan lập kế hoạch hoạt động và phối hợp hoạt động giữa các đơn vị theo chức năng nhiệm vụ đã được phân công.

Điều 3. Trưởng các đơn vị, cán bộ viên chức, sinh viên và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (để biết);
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, VBĐT, ĐT, KT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. Quách Thanh Hải

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNKT ngày tháng năm 2026
của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)*

Tên chương trình đào tạo Tiếng Việt	: Thương mại điện tử
Tên chương trình đào tạo Tiếng Anh	: E-Commerce
Tên ngành đào tạo Tiếng Việt	: Thương mại điện tử
Tên ngành đào tạo Tiếng Anh	: E-Commerce
Mã ngành	: 7340122
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngôn ngữ đào tạo:	: Tiếng Việt

Phiên bản cập nhật năm 2026

THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành Thương mại điện tử, trình độ đại học

TT	Các thông tin	Nội dung
1	Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	Tên Tiếng Việt: Thương mại điện tử Tên Tiếng Anh: E-Commerce
2	Tên ngành đào tạo	Tên Tiếng Việt: Thương mại điện tử Tên Tiếng Anh: E-Commerce
3	Mã ngành	7340122
4	Trình độ đào tạo	Đại học chính quy
5	Tên gọi văn bằng	Cử nhân
6	Cơ sở đào tạo cấp bằng	Trường ĐH Công nghệ Kỹ thuật TP. HCM
7	Đơn vị quản lý	Khoa Kinh tế
8	Hình thức đào tạo	Chính quy
9	Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
10	Khối lượng học tập	132 tín chỉ
11	Thời gian đào tạo tiêu chuẩn	4 năm
12	Đối tượng tuyển sinh (Chuẩn đầu vào của CTĐT)	Theo quy định của Bộ GD-ĐT và Trường
13	Tiêu chí tuyển sinh	Theo quy định của Bộ GD-ĐT và Trường
14	Điều kiện tốt nghiệp	Theo quy định của Bộ GD-ĐT và Trường
15	Vị trí việc làm	Sinh viên ra trường có thể tham gia vào doanh nghiệp, với các vị trí công việc như chuyên viên thương mại điện tử, digital marketing, kinh doanh thương mại, phân tích dữ liệu, nghiên cứu thị trường, quản trị dự án kinh doanh, hoặc khởi nghiệp kinh doanh.
16	CTĐT đối sánh	CTĐT Trường ĐH Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (UEH). CTĐT Trường Đại học Kinh tế - Luật (UEL) - ĐHQG TP.HCM.
17	Mục tiêu chung	Đào tạo cử nhân Thương mại điện tử có kiến thức và kỹ năng chuyên môn về thương mại điện tử; marketing số, nền tảng số, thanh toán điện tử, logistics thương mại điện tử và mô hình kinh doanh số; công nghệ và dữ liệu; có khả năng giải quyết các vấn đề trong hoạt động kinh doanh thương mại; có tinh thần khởi nghiệp và khả năng tham gia hoạch định kế hoạch và tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thương mại điện tử; có năng lực nghiên cứu, khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, trách nhiệm, sáng tạo; có sức khỏe, kỹ năng giao tiếp tốt và đáp ứng yêu cầu thực tiễn của doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh số.
18	Chuẩn đầu ra	
18.1	Kiến thức	Phát triển các kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức chuyên ngành thương mại điện tử, marketing số, thanh toán điện tử, logistics thương mại điện tử, quản trị khách hàng và mô hình kinh doanh số cũng như các kiến thức chung về kinh tế, quản trị, kinh doanh thương mại, pháp luật, và công nghệ dữ liệu để giải quyết vấn đề liên quan thương mại điện tử.
18.2	Kỹ năng	Phát triển các kỹ năng quản trị và kỹ năng mềm liên quan nghề nghiệp để hình thành năng lực nghề nghiệp

		và quản trị nhằm giải quyết vấn đề trong hoạt động kinh doanh thương mại điện tử.
18.3	<i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i>	Phát triển năng lực học tập nghiên cứu, nhận thức về sự hội nhập và trách nhiệm đạo đức, đặc biệt trong môi trường số.
19	Cấu trúc CTĐT	132 tín chỉ
20	Hướng dẫn thực hiện chương trình	- Quyết định số 3116/QĐ-ĐHSPKT ngày 22/8/2025 của Trường ĐHSPKT TPHCM về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; và cập nhật theo các quy định hiện hành. - Quy trình triển khai và đánh giá CTĐT (số hiệu QT-P.ĐT-TKĐGCTĐT, lần soát xét 00, ngày hiệu lực 01/12/2025). - Các quy định cập nhật.
21	Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT	Năm 2026.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNKT ngày tháng năm 2026
của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

Tên chương trình đào tạo Tiếng Việt	: Thương mại điện tử
Tên chương trình đào tạo Tiếng Anh	: E-Commerce
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Thương mại điện tử
Mã ngành	: 7340122
Hình thức đào tạo	: Chính quy
Ngôn ngữ đào tạo	: Tiếng Việt
Văn bằng tốt nghiệp	: Cử nhân
Đơn vị quản lý	: Khoa Kinh tế

1. Thời gian đào tạo: 04 năm.

2. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT.

3. Tiêu chí tuyển sinh: Theo quy định của Bộ GD-ĐT và Trường.

4. Điều kiện tốt nghiệp

Theo Quyết định số 3116/QĐ-ĐHSPKT và cập nhật theo các quy định hiện hành.

5. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên ra trường có thể tham gia vào doanh nghiệp, với các vị trí công việc như chuyên viên thương mại điện tử, digital marketing, kinh doanh thương mại, phân tích dữ liệu, nghiên cứu thị trường, quản trị dự án kinh doanh, hoặc chủ động khởi nghiệp. Cụ thể:

- Chuyên viên vận hành sàn, quản lý ngành hàng tại các doanh nghiệp cung cấp giải pháp thương mại điện tử hoặc có triển khai hoạt động thương mại điện tử.
- Chuyên viên Marketing điện tử (E-Marketing) và bán hàng, phân tích dữ liệu kinh doanh tại các doanh nghiệp.
- Nghiên cứu viên hoặc phát triển học tập ở bậc cao hơn ở các ngành liên quan.
- Khởi nghiệp kinh doanh.

6. Chương trình đào tạo đối sánh

- Chương trình đại học Trường ĐH Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (UEH).
- Chương trình đại học Trường Đại học Kinh tế - Luật (UEL) - ĐHQG TPHCM.

7. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

7.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Thương mại điện tử có kiến thức và kỹ năng chuyên môn về thương mại điện tử; marketing số, nền tảng số, thanh toán điện tử, logistics thương mại điện tử và mô hình kinh doanh số; công nghệ và dữ liệu; có khả năng giải quyết các vấn đề trong hoạt động kinh doanh thương mại; có tinh thần khởi nghiệp và khả năng tham gia hoạch định kế hoạch và tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thương mại điện tử; có năng lực nghiên cứu, khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, trách nhiệm, sáng tạo; có sức khỏe, kỹ năng giao tiếp tốt và đáp ứng yêu cầu thực tiễn của doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh số.

7.2. Mục tiêu cụ thể

1. Phát triển các kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức chuyên ngành thương mại điện tử, marketing số, thanh toán điện tử, logistics thương mại điện tử, quản trị khách hàng và mô hình kinh doanh số cũng như các kiến thức chung về kinh tế, quản trị, kinh doanh thương mại, pháp luật, và công nghệ dữ liệu để giải quyết vấn đề liên quan thương mại điện tử.
2. Phát triển các kỹ năng quản trị và kỹ năng mềm liên quan nghề nghiệp để hình thành năng lực nghề nghiệp, ứng dụng công cụ số, dữ liệu và AI để nghiên cứu thị trường, phân tích hành vi khách hàng, đánh giá hiệu quả hoạt động và hỗ trợ ra quyết định trong thương mại điện tử nhằm giải quyết vấn đề trong hoạt động kinh doanh thương mại điện tử.
3. Phát triển năng lực học tập nghiên cứu, nhận thức về sự hội nhập và trách nhiệm đạo đức.

7.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT (Program Learning Outcomes-PLOs)

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành TMĐT tương ứng với thang trình độ năng lực theo bảng dưới đây:

STT	CDR (Program learning outcomes - PLOs)	Chỉ số thực hiện (Performance index-PI)	Trình độ năng lực		Phân loại
			PI	PL O	
1	Kiến thức				
PLO 1	Áp dụng được các kiến thức khoa học cơ bản, chính trị và pháp luật, kinh tế xã hội để phân tích những vấn đề cơ bản trong kinh tế và xã hội nói chung.	Ứng dụng khoa học cơ bản để giải quyết các bài toán vấn đề kinh tế xã hội.	PI1.1	4	CDR chung
		Áp dụng kiến thức khoa học xã hội để phân tích các vấn đề cơ bản trong xã hội.	PI1.2		
		Ứng dụng kiến thức để phân tích những vấn đề cơ bản trong kinh tế.	PI1.3		
PLO 2	Vận dụng được kiến thức ngành để phân tích, đánh giá, và phát triển giải pháp cho các vấn đề trong lĩnh vực thương mại điện tử.	Phân tích được những nội dung và những xu hướng liên quan kinh doanh thương mại điện tử	PI2.1	5	CDR chuyên biệt
		Vận dụng kiến thức chuyên ngành về kinh doanh thương mại để phân tích, đánh giá, cân nhắc các vấn đề, tình huống cơ bản trong lĩnh vực thương mại điện tử	PI2.2		
		Kết hợp được các kiến thức kinh doanh thương mại và công nghệ để phân tích, đánh giá và phát triển các giải pháp phục vụ cho các hoạt động trong kinh doanh thương mại điện tử.	PI2.3		
PLO 3	Ứng dụng được các mã nguồn mở hoặc phần mềm công nghệ thông tin để giải quyết được các vấn đề trong lĩnh vực thương mại điện tử.	Sử dụng, hiệu chỉnh được các phần mềm mã nguồn mở và các công nghệ mới.	PI3.1	4	CDR chuyên biệt
		Ứng dụng được các mã nguồn mở, phần mềm công nghệ cho các hoạt động thương mại điện tử.	PI3.1		
		Thiết kế hay phát triển được các ứng dụng công nghệ phục vụ cho các hoạt động kinh doanh. thương mại.	PI3.3		
2	Kỹ năng				

PLO 4	Tổ chức và thực hiện được các hoạt động nghiên cứu và phân tích dữ liệu trong kinh doanh.	Lập được kế hoạch, xác định được các vấn đề, vai trò, nhiệm vụ, và nội dung cơ bản trong nghiên cứu.	PI4.1	4	CDR chung
		Tổ chức và triển khai thực hiện được các hoạt động nghiên cứu.	PI4.2		
		Phân tích và xử lý được các dữ liệu, và đưa ra các dự báo thông qua việc vận dụng kết hợp những kiến thức kinh tế xã hội và công nghệ.	PI4.3		
PLO 5	Hình thành và phát triển được các ý tưởng khởi nghiệp và mô hình kinh doanh thương mại điện tử.	Xây dựng ý tưởng, phân tích và đánh giá tính khả thi của ý tưởng dự án kinh doanh	PI5.1	5	
		Phát triển được các mô hình kinh doanh, các giải pháp, đánh giá, và lựa chọn được các giải pháp phù hợp để lập kế hoạch khởi nghiệp trong lĩnh vực thương mại điện tử	PI5.2		
		Triển khai thực tế các mô hình kinh doanh khởi nghiệp.	PI5.3		
PLO 6	Tổ chức, vận hành và kiểm soát được các hoạt động kinh doanh thương mại điện tử.	Vận hành và kiểm soát được các nguồn lực trong doanh nghiệp phục vụ cho các hoạt động cơ bản trong kinh doanh thương mại.	PI6.1	4	CDR chuyên biệt
		Phát triển các kế hoạch hoặc giải pháp cho các hoạt động kinh doanh bán hàng, marketing, logistics, nhân sự cho các dự án hoặc các vấn đề liên quan thương mại điện tử của doanh nghiệp	PI6.2		
		Tổ chức triển khai hoặc tham gia triển khai các hoạt động cho các dự án kinh doanh của doanh nghiệp	PI6.3		
3	Mức tự chủ và trách nhiệm				
PLO 7	Hình thành năng lực tự chủ, tinh thần học tập phát triển và hội nhập.	Hình thành năng lực tự chủ thực hiện các hoạt động học tập gắn liền với việc tuân thủ các quy định trách nhiệm.	PI7.1	3	CDR chung
		Hình thành ý thức tinh thần học tập phát triển suốt đời	PI7.2		
		Hình thành nhận thức về sự hội nhập.	PI7.3		
PLO 8	Hình thành năng lực quản trị và kỹ năng mềm.	Hình thành nhận thức về hoạt động quản trị và vai trò trách nhiệm các bên liên quan	PI8.1	3	CDR chuyên biệt
		Hình thành năng lực quản trị.	PI8.2		
		Phát triển các kỹ năng giao tiếp ứng xử, kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.	PI8.3		
PLO 9	Hình thành nhận thức về đạo đức nghề nghiệp và sự	Hình thành nhận thức về trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp.	PI9.1	3	CDR chuyên biệt
		Hình thành nhận thức về sự phát triển bền vững và các vấn đề toàn cầu.	PI9.2		

	phát triển bền vững.	Hình thành nhận thức về trách nhiệm và quan hệ tương tác của các bên liên quan đối với sự phát triển chung của xã hội.	PI9.3		
--	-----------------------------	--	-------	--	--

8. Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Tỉ lệ (%)
		Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	
I	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	40	34	6	
1	Lý luận chính trị + Pháp luật đại cương	14	14	0	
2	Tin học	3	3	0	
3	Kiến thức ngoại ngữ	8	8	0	
4	Khối tự chọn Khoa học xã hội nhân văn/ kỹ năng học tập/ mục tiêu nghề nghiệp	6	0	6	
5	Toán học và Khoa học cơ bản/ Toán học và Hình học/ Toán học và Khoa học cơ bản/Mỹ thuật/ Khoa học xã hội nhân văn (* Theo khung CTĐT ĐHCQ tiếng Việt 2026)	9	9	0	
II	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	92	77	15	
1	Nhập môn ngành	3	3	0	
2	Cơ sở ngành	21	12	9	
3	Chuyên ngành	60	54	6	
4	Thực tập tốt nghiệp	2	2	0	
5	Khoá luận tốt nghiệp	6	6	0	
III	KHỐI KIẾN THỨC GDTC VÀ GDQP				0%
1	Giáo dục thể chất				0%
2	Giáo dục quốc phòng				0%
IV	KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN ĐỀ BỔ TRỢ	(4)			0%
1	Chuyên đề doanh nghiệp	1	1		0%
2	Chuyên đề nâng cao năng lực số	3	3		0%
TỔNG CỘNG					

9. Chương trình đào tạo chi tiết

TT	Mã HP (*)	Tên học phần	Số tín chỉ			Mã HP trước, HP tiên quyết
			Tổng	LT (*)	TN/TH/TT (*)	
I	Kiến thức giáo dục đại cương		40	39	1	
I.1	Lý luận chính trị + Pháp luật đại cương		14	14		
1.	LLCT130105	Triết học Mác - Lênin	3	3		LLCT130105
2.	LLCT120205	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2		LLCT130105
3.	LLCT120405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		LLCT130105
4.	LLCT120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		LLCT130105
5.	LLCT220514	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		LLCT130105 LLCT120205 LLCT120405 LLCT120314

TT	Mã HP (*)	Tên học phần	Số tín chỉ			Mã HP trước, HP tiên quyết
			Tổng	LT (*)	TN/TH/TT (*)	
6.	GELA236939	Pháp luật đại cương	3	3		
I.2	Tin học		3	2	1	
7.	APCM230307	Tin học ứng dụng	3	2	1	
I.3	Kiến thức ngoại ngữ		8	8	0	
8.	ENCO140126	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh sơ cấp	4	4	0	
9.	ENCO240226	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trung cấp	4	4	0	
I.4	Khối tự chọn Khoa học xã hội nhân văn/ kỹ năng học tập/ mục tiêu nghề nghiệp					
Sinh viên chọn 2 học phần (mỗi học phần 3 TC) trong cùng một nhóm tự chọn của 4 nhóm tự chọn sau:						
Nhóm 1:<Pháp Luật trong môi trường kinh tế>			6	6	0	
10.	CGLA337039	Pháp luật về quản trị doanh nghiệp	3	3	0	
11.	LALA337239	Pháp luật lao động	3	3	0	
Nhóm 2:<Pháp luật trong môi trường kỹ thuật>			6	6	0	
12.	CLET337339	Pháp luật hợp đồng trong kỹ thuật và công nghệ	3	3	0	
13.	IPTT337439	Pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ	3	3	0	
Nhóm 3:<Huấn luyện đào tạo đội ngũ kỹ thuật>			6	6	0	
14.	APPS230391	Tâm lý học ứng dụng	3	3	0	
15.	DOTT230490	Thiết kế và tổ chức đội ngũ kỹ thuật	3	3	0	
Nhóm 4:<Môi trường và phát triển bền vững>			6	6	0	
16.	CGHG130210	Biến đổi khí hậu và khí nhà kính	3	3	0	
17.	SUDE130110	Phát triển bền vững	3	3	0	
I.5	Toán học và Khoa học cơ bản/ Toán học và Hình học/ Toán học và Khoa học cơ bản/Mỹ thuật/ Khoa học xã hội nhân văn (* Theo khung CTĐT ĐHCQ tiếng Việt 2026)		9	9	0	
18.	MATH132701	Toán kinh tế 1	3	3	0	
19.	MATH132801	Toán kinh tế 2	3	3	0	
20.	MATH132901	Xác suất thống kê ứng dụng	3	3	0	
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp					
II.1	Nhập môn ngành		3	2	1	

TT	Mã HP (*)	Tên học phần	Số tín chỉ			Mã HP trước, HP tiên quyết
			Tổng	LT (*)	TN/TH/TT (*)	
21.	ECOM130108	Nhập môn ngành TMĐT	3	2	1	
II.2	Kiến thức cơ sở ngành		21	21	0	
II.2.1	Kiến thức bắt buộc		12	12	0	
22.	ECON240206	Kinh tế học	4	4	0	
23.	INMA220305	Nhập môn quản trị học	2	2	0	
24.	REBU234108	Nghiên cứu trong kinh doanh	3	3	0	
25.	FIMA430807	Quản trị tài chính	3	3	0	
II.2.2	Kiến thức tự chọn		9	9	0	
26.	IHRM232708	Quản trị nguồn nhân lực quốc tế	3	3	0	
27.	IBST432808	Chiến lược kinh doanh quốc tế	3	3	0	
28.	MAAC430507	Kế toán quản trị	3	3	0	
29.	SEMA430807	Thị trường chứng khoán	3	3	0	
30.	GSCM430809	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	3	3	0	
II.3	Kiến thức chuyên ngành		60			
II.3.1	Kiến thức bắt buộc		54			
31.	ECLA324208	Luật thương mại điện tử	2	2	0	
32.	IMCO334008	Truyền thông marketing tích hợp	3	3	0	
33.	ERPS431208	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)	3	2	1	
34.	FUBY333808	Lập trình căn bản Python	3	2	1	
35.	EPAY431408	Thanh toán điện tử	3	3	0	
36.	ECOS431508	Bảo mật thương mại điện tử	3	3	0	
37.	EMAR431108	Marketing điện tử	3	3	0	
38.	ABDA433708	Ứng dụng phân tích dữ liệu lớn trong kinh doanh (Big Data)	3	3	0	
39.	ECOM431308	Thương mại điện tử	3	3	0	
40.	SAMA332008	Quản trị bán hàng	3	3	0	

TT	Mã HP (*)	Tên học phần	Số tín chỉ			Mã HP trước, HP tiên quyết
			Tổng	LT (*)	TN/TH/TT (*)	
41.	MAIS430306	Hệ thống thông tin quản lý (MIS)	3	3	0	
42.	PRMA434308	Quản trị dự án	3	3	0	
43.	BRAS334508	Chiến lược thương hiệu	3	3	0	
44.	BPLA121808	Kế hoạch khởi nghiệp	2	2	0	
45.	DMSY233208	Cơ sở dữ liệu	3	2	1	
46.	ELOG332509	E-Logistics	3	3	0	
47.	SEQM324008	Quản trị chất lượng dịch vụ	2	2	0	
48.	MALE433908	Máy học (Machine learning)	3	2	1	
49.	CBEC335008	Thương mại điện tử xuyên biên giới	3	3	0	
II.3.2	Kiến thức tự chọn		6	5-6	1-0	
50.	DNET332208	Mạng giao tiếp dữ liệu	3	3	0	
51.	ANDE333408	Phân tích và thiết kế hệ thống	3	3	0	
52.	AIEC334908	Trí tuệ nhân tạo trong TMDT	3	3	0	
53.	WEDE333308	Thiết kế WEB	3	2	1	
II.4	Thực tập tốt nghiệp					
54.	INTE421608	Thực tập tốt nghiệp (TĐT)	2			
II.5.	Khoá luận tốt nghiệp					
55.	ECGR461708	Khóa luận tốt nghiệp (TĐT)	6			
III	Kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng					
III.1	Giáo dục thể chất					
56.	PHED110130	Giáo dục thể chất 1	1			
	Sinh viên chọn học 02 học phần khác nhau trong 09 học phần lựa chọn theo danh sách dưới đây		2			
57.	FOOT112330	Bóng đá	1			
58.	VOLL112330	Bóng chuyền	1			
59.	BASK112330	Bóng rổ	1			

TT	Mã HP (*)	Tên học phần	Số tín chỉ			Mã HP trước, HP tiên quyết
			Tổng	LT (*)	TN/TH/TT (*)	
60.	BADM112330	Cầu lông	1			
61.	TENN112330	Quần vợt	1			
62.	KARA112330	Không thủ đạo	1			
63.	CHES112330	Cờ vua	1			
64.	PICK112330	Pickleball	1			
65.	CHIN112330	Cờ tướng	1			
III.2	Giáo dục quốc phòng					
66.	GDQP110131	Giáo dục quốc phòng 1	1			
67.	GDQP110231	Giáo dục quốc phòng 2	1			
68.	GDQP110331	Giáo dục quốc phòng 3	1			
69.	GDQP110431	Giáo dục quốc phòng 4	1			
IV	Chuyên đề bổ trợ					
70.	SEMI310026	Chuyên đề doanh nghiệp	1			
71.	DICO132585	Chuyên đề nâng cao năng lực số	3			

(*) Giải thích chữ viết tắt: học phần (HP), lý thuyết (LT), thí nghiệm (TN), thực hành (TH), thực tập (TT).

10. Kế hoạch giảng dạy

Các môn không ghép vào kế hoạch giảng dạy, Phòng Đào tạo sẽ mở lớp trong các học kỳ để sinh viên tự lên kế hoạch học tập:

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số TC	Điều kiện môn học tiên quyết
1	LLCT120205	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	LLCT130105*
2	LLCT120405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	LLCT120205*
3	LLCT120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	LLCT120205*
4	LLCT220514	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	LLCT120405*, LLCT120314*
5	ENCO140126	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh sơ cấp	4	Theo lịch trường
6	ENCO240226	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trung cấp	4	Theo lịch trường
7		Giáo dục thể chất		
8		Giáo dục Quốc phòng		
9	DICO132585	Chuyên đề nâng cao năng lực số	3	

Bố trí các môn học trong 8 học kỳ:**Học kỳ 1**

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước*
1	ECON240206	Kinh tế học	4	1	
2	ECOM130108	Nhập môn ngành TMĐT	3	1	
3	LLCT130105	Triết học Mác – Lênin	3	2	
4	APCM230307	Tin học ứng dụng	3	2	
5	MATH132701	Toán kinh tế 1	3	2	
Tổng			16		

Học kỳ 2

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước*
1	GELA236939	Pháp luật đại cương	3	1	
2	MATH132801	Toán kinh tế 2	3	1	
3	INMA220305	Nhập môn quản trị học	2	2	
4	ECOM431308	Thương mại điện tử	3	2	
5	Tự chọn	Sinh viên bắt buộc chọn 1 combo để học	6		
	Tự chọn 1				
	CGLA337039	Pháp luật về quản trị doanh nghiệp	3	1	
	LALA337239	Pháp luật lao động	3	1	
	Tự chọn 2				
	CLET337339	Pháp luật hợp đồng trong kỹ thuật và công nghệ	3	1	
	IPTT337439	Pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ	3	1	
	Tự chọn 3				
	APPS230391	Tâm lý học ứng dụng	3	2	
	DOTT230490	Thiết kế và tổ chức đội ngũ kỹ thuật	3	2	
	Tự chọn 4				
	CGHG130210	Biến đổi khí hậu và khí nhà kính	3	2	
	SUDE130110	Phát triển bền vững	3	2	
	PHED110130	Giáo dục thể chất 1	1	2	
Tổng			17		

Học kỳ 3

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước*
1	MATH132901	Xác suất thống kê ứng dụng	3	1	
2	FIMA430807	Quản trị tài chính	3	1	
3	MAIS430306	Hệ thống thông tin quản lý (MIS)	3	1	
4	ERPS431208	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)	3	2	
5	DMSY233208	Cơ sở dữ liệu	3	2	
Tổng			15		

Học kỳ 4

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước*
1	BRAS334508	Chiến lược thương hiệu	3	1	
2	PRMA434308	Quản trị dự án	3	1	
3	ECLA324208	Luật thương mại điện tử	2	1	
4	EMAR431108	Marketing điện tử	3	1	
5	ELOG332509	E-Logistics	3	2	

6	Tự chọn	Sinh viên bắt buộc chọn 3 học phần trong nhóm tự chọn	9	2	
Tổng			23		

Học kỳ 5

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước*
1	EPAY431408	Thanh toán điện tử	3	1	
2	REBU234108	Nghiên cứu trong kinh doanh	3	1	
3	IMCO334008	Truyền thông marketing tích hợp	3	1	
4	SAMA332008	Quản trị bán hàng	3	1	
5	FUBY333808	Lập trình căn bản Python	3	2	
6	Tự chọn	Sinh viên bắt buộc chọn 2 học phần trong nhóm tự chọn này	6	2	
Tổng			21		

Học kỳ 6

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước*
1	MALE433908	Máy học (Machine learning)	3	1	
2	CBEC335008	Thương mại điện tử xuyên biên giới	3	1	
3	SEQM324008	Quản trị chất lượng dịch vụ	2	1	
3	ABDA433708	Ứng dụng phân tích dữ liệu lớn trong kinh doanh (Big Data)	3	2	
4	ECOS431508	Bảo mật thương mại điện tử	3	2	
5	BPLA121808	Kế hoạch khởi nghiệp	2	2	
Tổng			16		

Học kỳ 7

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước*
1	INTE421608	Thực tập tốt nghiệp (TĐT)	2	2	
	KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN ĐỀ BỔ TRỢ				
	SEMI310026	Chuyên đề doanh nghiệp	1		Không tích lũy
Tổng			2		

Học kỳ 8

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước*
1	ECGR461708	Khóa luận tốt nghiệp (TĐT)	6	2	
Tổng			6		

11. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn ra của mỗi học phần và CTĐT.

11.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, đánh giá mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi học phần và CTĐT.

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; làm cơ sở để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của người học, cải tiến CTĐT và tổ chức thực hiện CTĐT.

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- CTĐT thực hiện theo Quy trình triển khai và đánh giá CTĐT (số hiệu QT-P.ĐT-TKĐGCTĐT, lần soát xét 00, ngày hiệu lực 01/12/2025).

- CTĐT thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của Trường ĐHCNKT TPHCM.

- Đơn vị quản ngành phân công giảng viên giảng dạy các học phần theo đề cương chi tiết đã được phê duyệt.

- Tổ chức dạy học, kiểm tra - đánh giá kết quả học tập các học phần thực hiện theo Quy chế đào tạo, các quy chế và quy định hiện hành có liên quan của Trường ĐHCNKT TPHCM.

- Lập kế hoạch, đo lường và đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT theo Quy trình đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra CTĐT của người học (số hiệu QT-PĐBCL-ĐLCĐR, lần soát xét 00, ngày hiệu lực 05/9/2022).

- Giờ quy định được tính như sau: 01 tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khóa luận tốt nghiệp. 01 tiết học được tính bằng 50 phút.

13. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo

13.1 Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ

Tuân thủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về điều kiện duy trì ngành.

13.2 Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu

Ngoài phòng học lý thuyết, sinh viên ngành TMĐT chủ yếu sử dụng phòng máy tính cho các môn học trong chương trình đào tạo, như các phòng sau đây: Phòng BI (A4-201), A3-101, A3-102, A3-103, A3-104, A3-105, A5-102A, A5-102B và một số phần mềm hỗ trợ tại các phòng này.

14. Kế hoạch đo lường chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Theo Quy trình đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra CTĐT của người học (số hiệu QT-PĐBCL-ĐLCĐR, lần soát xét 00, ngày hiệu lực 05/9/2022).

15. Thời gian ban hành/cập nhật bản mô tả CTĐT: năm 2026.

16. Các phụ lục chương trình đào tạo

- Phụ lục I. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các môn học.

- Phụ lục II: Ma trận các học phần đáp ứng CĐR của CTĐT (theo Biểu mẫu 3A - Quy trình xây dựng chương trình đào tạo).

- Phụ lục III: Ma trận tương quan chuẩn đầu ra của CTĐT và chuẩn CDIO (theo Biểu mẫu 3B - Quy trình xây dựng chương trình đào tạo).

**KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

PGS.TS. Nguyễn Khắc Hiếu

TS. Quách Thanh Hải

PHỤ LỤC I
MÔ TẢ VĂN TẮT NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG CÁC MÔN HỌC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNKT ngày tháng năm 2026
của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Triết học Mác-Lênin

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 2 (2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về triết học Mác - Lênin, nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 2 (2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Triết học Mác – Lênin

Tóm tắt nội dung học phần: Hiểu được các khái niệm về kinh tế như hàng hóa, thị trường, tiền, giá trị thặng dư, độc quyền, công nghiệp hóa... Nhận biết được nội dung và tác động của một số quy luật kinh tế. Nhận thức được các vấn đề cơ bản của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, phương thức sản xuất, trách nhiệm công dân, ý thức kỷ luật...

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 2 (2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về Chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học); những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học.

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 2 (2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, con người; Đạo đức.

5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 2 (2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng, quá trình Đảng lãnh đạo. Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

6. Pháp luật đại cương

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần: Pháp luật là hệ thống quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do Nhà Nước ban hành. Các quy định của pháp luật tác động đến tất cả mọi người, đến tất cả lĩnh vực. Một trong những nghĩa vụ của công dân là “sống và làm việc theo pháp luật”. Học phần Pháp luật đại cương trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Nhà Nước và pháp luật. Người học sẽ được cung cấp các khái niệm, thuật ngữ pháp lý cũng như các kiến thức về cấu trúc, chức năng của bộ máy Nhà Nước Việt

Nam, các quy định của các ngành luật để người học có thể tham gia vào các quan hệ pháp luật một cách chủ động, hiệu quả.

7. Toán kinh tế 1

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này bao gồm các kiến thức về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vector R_n , dạng toàn phương, phép tính vi phân hàm một biến và một số ứng dụng vào trong kinh tế.

8. Toán kinh tế 2

3 tín

chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Toán kinh tế 1

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần bao gồm các kiến thức về phép tính vi phân hàm nhiều biến, phép tính tích phân hàm một biến (tích bất định, tích phân xác định, tích phân suy rộng), phương trình vi phân cấp. Một số ứng dụng kiến thức toán vào trong kinh tế.

9. Xác suất thống kê ứng dụng

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Toán kinh tế 1, 2

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này giới thiệu các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng gồm : Biến cố ngẫu nhiên, xác suất và các công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết, hồi qui và tương quan tuyến tính.

10. Nhập môn ngành Thương mại điện tử

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập:

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về ngành học Thương mại điện tử cũng như các hiểu biết nhất định về Khoa và Nhà trường. Trang bị cho sinh viên một số phương pháp học tập tại bậc đại học cũng như 1 số kỹ năng cần thiết cho học tập và làm việc sau này.

11. Tin học ứng dụng

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (2+1)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học được mở đầu bằng việc giới thiệu công nghệ thông tin, phần trình bày giải thuật đơn hình ở các mức độ sử dụng khác nhau.

12. Cơ sở dữ liệu

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (2+1)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản các khái niệm cơ bản về cơ sở dữ liệu. Trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về mô hình dữ liệu quan hệ: quan hệ, phụ thuộc hàm, các ràng buộc trên quan hệ, siêu khóa, khóa chính, khóa dự tuyển, khóa ngoại, ngôn ngữ đại số quan hệ, ngôn ngữ SQL, các dạng chuẩn và tính chất tương ứng.

13. Luật Thương mại điện tử

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 (2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về luật thương mại điện tử nói riêng và luật kinh tế nói chung. Môn học cũng mở rộng không chỉ các nội dung luật tại Việt Nam, mà cũng có những nội dung học tập tìm hiểu về các luật của các hiệp hội chung của khu vực quốc tế.

14. Nhập môn quản trị học

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 (2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học này sẽ khắc hoạ hình ảnh thực tế về những công việc mà người quản lý cần làm. Hơn nữa, môn học cũng sẽ giúp chỉ ra những kỹ năng mà các nhà quản lý phải áp dụng để đạt được những mục tiêu và tiêu chuẩn quan trọng đã đề ra bằng cách cung cấp những kiến thức cơ bản về một loạt các chủ đề bao gồm hoạch định, tổ chức, biên chế, lãnh đạo, thay đổi và ra quyết định trong tổ chức.

15. Thương mại điện tử xuyên biên giới

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học cung cấp kiến thức nghiệp vụ về thương mại điện tử xuyên biên giới, giúp người học có được những kỹ thuật cơ bản trong giao dịch, mua bán với nước ngoài. Trang bị một số thông lệ, qui ước trong thương mại quốc tế, logistics, AI, giúp người học nắm được nội dung và qui trình của các phương thức thanh toán quốc tế, các cách để thực hiện thương mại điện tử với sự khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ, logistics.

16. Kinh tế học

4 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 4 (4/0/8)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Môn Kinh tế học đại cương cung cấp cho sinh viên chuyên ngành kinh tế những nguyên lý cơ bản để phân tích hoạt động kinh tế đang diễn ra trong nền kinh tế thị trường dưới góc độ vi mô cũng như vĩ mô. Với những kiến thức được cung cấp từ môn học này, người học sẽ có cái nhìn năng động và hệ thống về các hoạt động kinh tế trong thực tiễn của nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng các nguyên lý, các quy luật kinh tế để xử lý tình huống cụ thể.

17. Marketing điện tử

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Marketing điện tử là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing điện tử, marketing điện tử là gì và quá trình tiến hành hoạt động marketing điện tử trong một đơn vị như thế nào. Quá trình marketing điện tử bắt đầu bằng việc phải hiểu biết sâu sắc môi trường marketing, nhu cầu và ước muốn của người tiêu dùng, trên cơ sở đó doanh nghiệp sẽ xây dựng một chiến lược marketing hướng về khách hàng (customer-driven marketing strategy) nhằm cung cấp giá trị vượt trội cho khách hàng.

18. Quản trị nguồn nhân lực quốc tế

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về nghiệp vụ quản trị nguồn nhân lực. Thông qua lý thuyết kết hợp với thảo luận các tình huống, và làm các báo cáo thuyết trình nhóm, sinh viên làm quen với công tác quản trị nguồn nhân lực tại các doanh nghiệp, bao gồm các doanh nghiệp vừa và nhỏ, và các tổ chức quốc tế.

19. Chiến lược kinh doanh quốc tế

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần xem xét tình hình hoạt động của doanh nghiệp, các vấn đề về lập chiến lược và thực thi chiến lược theo quan điểm của giám đốc doanh nghiệp, cung cấp khung tổng quát để quản lý tổ chức và các bộ phận chức năng. Những ai có kế hoạch nghề nghiệp đảm trách chức vụ quản lý cao cấp, chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ, hoặc phụ trách các bộ phận chức năng sẽ thấy môn học này hữu ích trong việc nâng cao hiệu quả của tổ chức.

20. E-Logistics

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học giới thiệu các khái niệm, định nghĩa, quan điểm, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật, công nghệ thiết kế & xây dựng hệ thống quản lý chuỗi cung ứng và logistics trong ngành thương mại điện tử với ứng dụng số hóa để người học có được cái nhìn tổng quát

trước khi đi vào chuyên sâu. Điểm trọng yếu ở đây là giúp sinh viên có cái nhìn mới, hiểu quản lý chuỗi cung ứng như một nghề chuyên môn & có vai trò rất quan trọng trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay.

21. Quản trị bán hàng

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này nghiên cứu một cách tổng thể các khía cạnh của bán hàng trong thời đại số và quản trị quan hệ khách hàng (CRM), bao gồm việc ứng dụng các công nghệ số hóa, AI trong các hoạt động bán hàng, các chiến lược, chăm sóc khách hàng, bán hàng và công nghệ thông tin; qua đó, giúp người học hình dung quy trình thực hiện CRM trong doanh nghiệp và có thể ứng dụng được thông qua việc phân tích các tình huống.

22. Quản trị chất lượng dịch vụ

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 (2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp kiến thức về chất lượng nói chung và chất lượng dịch vụ nói riêng. Bên cạnh đó, học phần cung cấp các kiến thức kỹ năng quản trị hệ thống cung cấp dịch vụ đảm bảo chất lượng. Học phần tập trung vào các vấn đề chính như: Nghiên cứu đặc điểm của dịch vụ; Thiết kế dịch vụ đảm bảo chất lượng; Cải tiến chất lượng dịch vụ. Học phần cũng rèn luyện người học kỹ năng định hướng dịch vụ, một kỹ năng được cho là có tầm quan trọng trong thời đại công nghệ số.

23. Truyền thông Marketing Tích hợp

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho bạn kỹ năng kết hợp các công cụ như quảng cáo, PR, khuyến mãi và marketing kỹ thuật số. Mục tiêu là tạo ra các chiến dịch có thông điệp nhất quán, chạm đúng insight và tối ưu chuyển đổi.

24. Quản trị tài chính

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học này trang bị cho sinh viên những khái niệm, nguyên tắc và kỹ thuật cơ bản của quản trị tài chính và ứng dụng những nguyên tắc này trong việc ra quyết định của giám đốc tài chính: quyết định đầu tư, tài trợ và cổ tức. Sinh viên được làm quen với những vấn đề chính mà một giám đốc tài chính phải đối diện trong công ty. Những chủ đề chính bao gồm: sự bất cân xứng về thông tin, vấn đề đại diện, phân tích điểm hòa vốn, ra quyết định đầu tư trong điều kiện quốc tế hóa, cấu trúc vốn, định giá doanh nghiệp, huy động vốn, quản trị vốn lưu động và lập kế hoạch tài chính.

25. Thị trường chứng khoán

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về chứng khoán và thị trường chứng khoán – một trong những kênh huy động vốn quan trọng nhất trong bất kỳ nền kinh tế nào của thế giới. Sinh viên được trình bày những lý thuyết căn bản của chứng khoán và thị trường chứng khoán bao gồm những khái niệm về cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư, chứng khoán phái sinh. Môn học cũng giới thiệu cho sinh viên vai trò và chức năng của các nhân tố tham gia thị trường chứng khoán như Ủy ban chứng khoán nhà nước, Trung tâm lưu ký chứng khoán và các công ty chứng khoán.

26. Hệ thống thông tin quản lý (MIS)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về công nghệ thông tin, các thành phần và các loại hệ thống thông tin, từ đó có thể đưa ra những chiến lược ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp trong quản lý doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh trong xu hướng thời đại mới.

27. Quản trị dự án

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: môn học này cung cấp các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong quản lý dự án với sự hỗ trợ vận dụng các công nghệ quản trị dự án cho các hoạt động như phân tích và lựa chọn dự án, hoạch định và lập tiến độ dự án, giám sát và kiểm soát dự án, và các cách tiếp cận giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý dự án. Ngoài ra, môn học cũng giới thiệu các phần mềm liên quan nhằm nâng cao hiệu quả quản lý dự án.

28. Kế hoạch khởi nghiệp

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 (2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh khởi nghiệp, cung cấp những kiến thức cần thiết để người học có thể tổng hợp về hoạt động khởi nghiệp và thiết lập bản kế hoạch kinh doanh từ mô tả về hình thức doanh nghiệp, xác định mục tiêu kinh doanh, phân tích thị trường, lên kế hoạch marketing và vận hành doanh nghiệp, dự kiến vốn cần thiết và đánh giá khả năng sinh lợi, khả năng hoàn vốn, và các dự báo hoạt động kinh doanh cần thiết khác nhằm để đón đầu cơ hội làm ăn hay có thể giảm thiểu những rủi ro có thể xảy ra.

29. Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp ERP

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này sinh viên có khái niệm cơ bản và chức năng của ERP từ đó ứng dụng ERP trong thực tiễn như từ việc theo dõi đơn hàng đơn giản, quản trị hàng tồn kho, sản xuất, chuỗi cung ứng cho đến quản trị tài chính (cả kế toán và thuế) và quản trị nhân sự.

30. Thương mại điện tử

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về thương mại điện tử, cách ứng dụng và triển khai dự án về thương mại điện tử, từ đó có thể áp dụng đưa ra những chiến lược thương mại điện tử phù hợp trong doanh nghiệp, nắm được phương thức triển khai hiệu quả nhất nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong thời đại kỹ thuật số.

31. Nghiên cứu trong kinh doanh

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức/ kỹ năng về cách thức tiến hành một dự án nghiên cứu tiếp thị: thiết kế, thu thập thông tin, xử lý số liệu, phân tích và diễn giải; qua đó, đưa ra các thông tin hỗ trợ cho việc ra quyết định của nhà quản lý trước các vấn đề trong môi trường kinh doanh. Hướng dẫn người học cách phân tích dữ liệu qua phần mềm SPSS.

32. Chiến lược thương hiệu

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần là kế hoạch tổng thể giúp sinh viên tiếp cận, xây dựng và quản trị thương hiệu. Môn học cung cấp kiến thức thực tiễn về định vị, tầm nhìn, kiến trúc thương hiệu, qua đó trang bị tư duy dài hạn để tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

33. Lập trình căn bản Python

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Khóa học cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng và những kỹ năng cần thiết có thể xây dựng các ứng dụng đơn giản bằng Python – một ngôn ngữ lập trình cấp cao, thông dịch, định hướng đối tượng và đa mục đích. Rèn luyện và phát triển kỹ năng lập trình, tư duy logic. Xây dựng nền tảng cơ bản vững chắc trong ngôn ngữ lập trình Python tạo tiền đề cho việc học các kiến thức lập trình web, Machine learning, Data Science ... phát triển nghề nghiệp.

Lập trình căn bản Python là một môn học bắt buộc quan trọng để hỗ trợ cho định hướng công nghệ thuộc ngành Thương Mại điện tử.

34. Ứng dụng phân tích dữ liệu lớn trong kinh doanh

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết:

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về big data, cách các công ty ứng dụng phân tích dữ liệu lớn trên thế giới, Việt Nam. Nắm được phương pháp triển khai hiệu quả nhất cho một hệ thống dữ liệu lớn cụ thể và phổ biến.

35. Mạng giao tiếp dữ liệu

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản trong mạng máy tính, đặc điểm cơ bản của các loại mạng; kiến trúc về nguyên lý hoạt động của các thiết bị mạng, các giao thức phổ biến hoạt động trong hệ thống mạng, mô hình mạng, cấu trúc địa chỉ IP; các kiến thức về thiết kế, cài đặt cấu hình và vận hành hệ thống mạng đơn giản trên Windows, Linux... Ngoài ra, sinh viên cũng được thực hành cài đặt các dịch vụ về mạng phổ biến.

36. Máy học

3 tín

chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nhận diện mẫu và máy học. Học phần khái quát các thuật toán cơ bản về học có giám sát, học không giám sát, và hệ thống khuyến nghị, vận dụng và triển khai các thuật toán quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề thực tế như phân loại, dự đoán các xu thế, xu hướng, phân tích cụm dữ liệu, gợi ý đề xuất.

37. Kế toán quản trị

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Kế toán quản trị có chức năng thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cần thiết cho nhà quản trị để thực hiện quản trị tổ chức. Thông tin của kế toán quản trị là một trong những nguồn thông tin chủ yếu cho nhà quản trị ra quyết định, điều hành và kiểm soát hoạt động trong một tổ chức. Môn học đi vào các nội dung cụ thể của kế toán quản trị như sau: phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận, phân tích chi phí phục vụ cho việc ra quyết định kinh doanh, lập kế hoạch và dự toán ngân sách, phân tích biến động chi phí sản xuất, đánh giá trách nhiệm quản lý, sử dụng kỹ thuật phân tích biến động đánh giá hiệu quả các hoạt động trong doanh nghiệp...

38. Bảo mật Thương mại Điện tử

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Bảo mật Thương mại Điện tử cung cấp nền tảng kiến thức cốt lõi về an toàn thông tin trong môi trường kinh doanh số. Nó giúp bạn nắm vững các phương pháp mã hóa dữ liệu, nhận diện các cuộc tấn công mạng phổ biến (như SQLi, DDoS, Phishing) và xây dựng hệ thống thanh toán trực tuyến an toàn.

39. Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Quản trị chuỗi cung ứng (Supply Chain Management - SCM) trang bị kiến thức về thiết kế, hoạch định và tối ưu hóa toàn bộ mạng lưới doanh nghiệp. Nội dung bao gồm quản trị sản xuất, dự báo nhu cầu, quản lý tồn kho và thiết kế mạng lưới logistics nhằm nâng cao lợi thế cạnh tranh

40. Trí tuệ nhân tạo trong TMĐT

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung vào khả năng vận dụng AI vào các bài toán kinh doanh TMĐT thực tiễn, bao gồm: Hiểu và nhận diện được tiềm năng, giới hạn của các công cụ AI phổ biến trong TMĐT; Sử dụng thành thạo các công cụ AI no-code/low-code để phân tích dữ liệu khách hàng, tạo nội dung, xây dựng chatbot; Vận dụng Generative AI và Prompt Engineering để tăng năng suất trong hoạt động marketing, bán hàng và chăm sóc khách hàng; Thiết kế được giải pháp AI phù hợp cho doanh nghiệp TMĐT, kết hợp tư duy kinh doanh và nhận thức về đạo đức AI.

41. Phân tích thiết kế hệ thống

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Phân tích thiết kế hệ thống nhằm mục đích xây dựng phần mềm hoặc hệ thống thông tin một cách có tổ chức, đáp ứng chính xác nhu cầu nghiệp vụ

42. Thực tập tốt nghiệp

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 (2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Hoàn tất các học phần theo tiến độ

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp sinh viên có cơ hội học tập trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp, hiểu biết về cơ cấu tổ chức hoạt động của 1 doanh nghiệp; mô tả được cơ cấu tổ chức của 1 doanh nghiệp cũng như các phòng ban trong doanh nghiệp; biết cách trình bày 1 báo cáo thực tập tốt nghiệp; thực hiện được một báo cáo thực tập tốt nghiệp hoàn chỉnh.

**43. Khóa luận tốt nghiệp
chỉ**

6 tín

Phân bố thời gian học tập:

Điều kiện tiên quyết: Hoàn tất các học phần theo tiến độ

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này giúp hệ thống lại/ nâng cao những kiến thức đã học trong chương trình. Qua đó, sinh viên được chọn hướng đề tài tốt nghiệp để phát triển nghề nghiệp.

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNKT ngày tháng năm 2026
của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

[illegible]

[illegible]

PLO/PI		Chuẩn đầu ra CTĐT (Program Learning Outcomes-PLOs)																									Số lượng CĐR/ Môn học tham gia đóng góp			
		PLO1: Áp dụng được các kiến thức khoa học cơ bản, chính trị và pháp luật, kinh tế xã hội để phân tích những vấn đề cơ bản trong kinh tế và xã hội nói chung.			PLO2: Vận dụng được kiến thức ngành để phân tích, đánh giá, và phát triển giải pháp cho các vấn đề trong lĩnh vực thương mại điện tử.			PLO3: Ứng dụng được các mã nguồn mở hoặc phần mềm công nghệ thông tin để giải quyết được các vấn đề trong lĩnh vực thương mại điện tử.			PLO4: Tổ chức và thực hiện được các hoạt động nghiên cứu và phân tích dữ liệu trong kinh doanh.			PLO5: Hình thành và phát triển được các ý tưởng khởi nghiệp và mô hình kinh doanh thương mại điện tử.			PLO6: Tổ chức, vận hành và kiểm soát được các hoạt động kinh doanh thương mại điện tử.			PLO7: Hình thành năng lực tự chủ, học tập phát triển, trách nhiệm với bản thân.			PLO8: Hình thành năng lực quản trị và kỹ năng mềm.			PLO9: Hình thành được nhận thức về trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp				
		TĐNL: 4			TĐNL: 5			TĐNL: 4			TĐNL: 4			TĐNL: 6			TĐNL: 4			TĐNL: 3			TĐNL: 3			TĐNL: 3				
		PI1.1	PI1.2	PI1.3	PI2.1	PI2.2	PI2.3	PI3.1	PI3.2	PI3.3	PI4.1	PI4.2	PI4.3	PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI7.1	PI7.2	PI7.3	PI8.1	PI8.2	PI8.3	PI9.1		PI9.2	PI9.3	
EMAR431108	Marketing điện tử					4	5							5																2
ELOG332509	E-Logistics				3	4	4																							1
	N CƠ SỞ NGÀNH VÀ LIÊN																													
IHRM232708	Quản trị nguồn nhân lực quốc tế			4		4											4						3							2
IBST432808	Chiến lược kinh doanh quốc tế			4	4	4													3	3				3	3					2
MAAC430507	Kế toán quản trị			3		3						3																		2
SEMA430807	Thị trường chứng khoán		2	4																				3	3					3
GSCM430809	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu					3	3			3						3					3		3							5
Học kỳ 5																														
EPAY431408	Thanh toán điện tử					2	4		4								2										2		2	
REBU234108	Nghiên cứu trong kinh doanh									3	4																			1
IMCO334008	Truyền thông marketing tích hợp			4		5							6							3							3		4	
SAMA332008	Quản trị bán hàng					4			4								4													3

[illegible]

PLO/PI		Chuẩn đầu ra CTĐT (Program Learning Outcomes-PLOs)																											Số lượng CĐR/ Môn học tham gia đóng góp
		PLO1: Áp dụng được các kiến thức khoa học cơ bản, chính trị và pháp luật, kinh tế xã hội để phân tích những vấn đề cơ bản trong kinh tế và xã hội nói chung.			PLO2: Vận dụng được kiến thức ngành để phân tích, đánh giá, và phát triển giải pháp cho các vấn đề trong lĩnh vực thương mại điện tử.			PLO3: Ứng dụng được các mã nguồn mở hoặc phần mềm công nghệ thông tin để giải quyết được các vấn đề trong lĩnh vực thương mại điện tử.			PLO4: Tổ chức và thực hiện được các hoạt động nghiên cứu và phân tích dữ liệu trong kinh doanh.			PLO5: Hình thành và phát triển được các ý tưởng khởi nghiệp và mô hình kinh doanh thương mại điện tử.			PLO6: Tổ chức, vận hành và kiểm soát được các hoạt động kinh doanh thương mại điện tử.			PLO7: Hình thành năng lực tự chủ, học tập phát triển, trách nhiệm với bản thân.			PLO8: Hình thành năng lực quản trị và kỹ năng mềm.			PLO9: Hình thành được nhận thức về trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp			
		TĐNL: 4			TĐNL: 5			TĐNL: 4			TĐNL: 4			TĐNL: 6			TĐNL: 4			TĐNL: 3			TĐNL: 3			TĐNL: 3			
		PI1.1	PI1.2	PI1.3	PI2.1	PI2.2	PI2.3	PI3.1	PI3.2	PI3.3	PI4.1	PI4.2	PI4.3	PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI7.1	PI7.2	PI7.3	PI8.1	PI8.2	PI8.3	PI9.1	PI9.2	PI9.3	
	Giáo dục Quốc phòng																												
	Chuyên đề doanh nghiệp																												
	Chuyên đề nâng cao năng lực số																												
Học kỳ 8																													
ECGR461708	Khóa luận tốt nghiệp (TĐT)				5	5	5					4	4	4	5	5	5												3
Số lượng môn học/PI		6	12	14	11	15	19	3	6	6	2	3	4	6	6	3	2	7	2	3	7	5	3	4	8	4	3	5	
Mức năng lực cao nhất		3	3	4	5	5	5	4	4	4	4	4	4	5	5	5	4	5	4	3	3	3	3	3	3	3	3	3	

CDR		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
CDIO		<i>Áp dụng được các kiến thức khoa học cơ bản, chính trị và pháp luật, kinh tế xã hội để phân tích những vấn đề cơ bản trong kinh tế và xã hội nói chung</i>	<i>Vận dụng được kiến thức ngành để phân tích, đánh giá, và phát triển giải pháp cho các vấn đề trong lĩnh vực tmđt</i>	<i>Ứng dụng được các mã nguồn mở hoặc phần mềm công nghệ thông tin để giải quyết được các vấn đề trong lĩnh vực tmđt</i>	<i>Tổ chức và thực hiện được các hoạt động nghiên cứu và phân tích dữ liệu trong kinh doanh</i>	<i>Hình thành và phát triển được các ý tưởng khởi nghiệp và mô hình kinh doanh tmđt.</i>	<i>Tổ chức, vận hành và kiểm soát được các hoạt động kinh doanh tmđt</i>	<i>Hình thành năng lực tự chủ, tinh thần học tập phát triển và hội nhập</i>	<i>Hình thành năng lực quản trị và kỹ năng mềm</i>	<i>Hình thành nhận thức về trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp và sự phát triển bền vững.</i>
4	Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp, xã hội và môi trường - quá trình sáng tạo									
4.1	<Bối cảnh bên ngoài và xã hội>					X	X			
4.2	<Bối cảnh doanh nghiệp và kinh doanh>						X			
4.3	<Hình thành ý tưởng và xây dựng các hệ thống>				X					
4.4	<Thiết kế>				X					
4.5	<Triển khai>				X					
4.6	<Vận hành>				X					
4.7	<Nỗ lực trong lãnh đạo kỹ thuật>				X					

CDR		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
CDIO		<i>Áp dụng được các kiến thức khoa học cơ bản, chính trị và pháp luật, kinh tế xã hội để phân tích những vấn đề cơ bản trong kinh tế và xã hội nói chung</i>	<i>Vận dụng được kiến thức ngành để phân tích, đánh giá, và phát triển giải pháp cho các vấn đề trong lĩnh vực tmđt</i>	<i>Ứng dụng được các mã nguồn mở hoặc phần mềm công nghệ thông tin để giải quyết được các vấn đề trong lĩnh vực tmđt</i>	<i>Tổ chức và thực hiện được các hoạt động nghiên cứu và phân tích dữ liệu trong kinh doanh</i>	<i>Hình thành và phát triển được các ý tưởng khởi nghiệp và mô hình kinh doanh tmđt.</i>	<i>Tổ chức, vận hành và kiểm soát được các hoạt động kinh doanh tmđt</i>	<i>Hình thành năng lực tự chủ, tinh thần học tập phát triển và hội nhập</i>	<i>Hình thành năng lực quản trị và kỹ năng mềm</i>	<i>Hình thành nhận thức về trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp và sự phát triển bền vững.</i>
4.8	<Sáng nghiệp trong kỹ thuật>					X				

./.